TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 398/2023/DS-PT
Ngày 13/12/2023
"V/v Yêu cầu bồi thường thiệt hại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

Các thẩm phán: Ông Văn Công Dần, bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh Chi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 367/2023/DS – PT ngày 25/10/2023 về việc: "Yêu cầu bồi thường thiệt hại".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân huyện K, tỉnh Đăk Lăk theo bị kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 354/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần C1.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Huyền T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Nhị H (có mặt);

Cùng địa chỉ: K, quốc lộ B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị C

Người đại diện theo ủy quyền: Ông K Niê Siêng; cùng địa chỉ: Thôn E, xã C2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt);

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Thanh T1; địa chỉ: Thôn E, xã C2, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần C1 (tiền thân là Công ty TNHH C1) và bên nhận khoán là bà Trần Thị C đã ký hợp đồng kinh tế về việc giao khoán vườn cà phê Hợp đồng số 100/ABGK ngày 08/12/2014lô: A11-03Đơn vị A - Vùng A, diện tích: 0,75 ha. Thời hạn Hợp đồng từ ngày 08/12/2014đến ngày 31/3/2020.

Ngày 31/3/2020 hợp đồng hết hiệu lực, Công ty cổ phần C1 thực hiện các thủ tục như mời làm việc với bà Trần Thị C để thỏa thuận gia hạn hoặc thanh lý Hợp đồng. Tuy nhiên bà Trần Thị C không đồng ý gia hạn cũng như không hợp tác để thanh lý Hợp đồng và từ ngày 31/3/2020 đến nay bà Trần Thị C tiếp tục chiếm giữ, quản lý, sử dụng diện tích đất nhận khoán và vườn cây trên đất, canh tác và hưởng lợi toàn bộ 100% giá trị vườn cây giao khoán. Vì nhận thức toàn bộ vườn cây là tài sản của mình nên Công ty vẫn tiếp tục thực hiện việc tưới nước, bón phân mặc dù bà C từ chối việc nhận phân bón đầu tư vào vườn cây và Công ty vẫn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất cho Nhà nước.

Kể từ ngày Hợp đồng Hợp đồng số 100/ABGK ngày 08/12/2014hết hạn cho đến nay Công ty C1 hoàn toàn không thu được bất kỳ lợi tức nào từ vườn cây mà bà Trần Thị C đang chiếm đoạt. Trong khi, đối với các vườn cây có tính chất tương tự, Công ty đang giao khoán cho các hộ nhận khoán và thu sản lượng khoán đầy đủ.

Do quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần C1ị xâm phạm, gây thiệt hại nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị C bồi thường cho Công ty cổ phần C1 thiệt hại do hành vi chiếm giữ trái phép đất và vườn cây của Công ty cổ phần C1 trong thời gian từ ngày 31/12/2020 đến ngày khởi kiện (tạm tính) là 10/01/2023, tiền lãi trả chậm và các khoản công nợ. Cụ thể như sau:

- Yêu cầu bà Trần Thị C bồi thường toàn bộ sản lượng cà phê tương ứng với sản lượng mà các hộ nhận khoán khác phải nộp cho Công ty kể từ ngày 31/12/2020 đến nay gồm:

+ Nợ sản lượng vụ 2020-2021 là: 5.346 kg cà phê quả tươi, trong đó sản lượng khoán 5.250 kg cà phê quả tươi, sản lượng bảo vệ là: 96 kg cà phê quả tươi tương đương giá trị bằng tiền là: 45.905.870 đồng, tiền lãi 6.516.083 đồng. Tổng nợ tạm tính là: 52.421.953 đồng.

+ Nợ sản lượng vụ 2021-2022 là: 4.104 kg cà phê quả tươi, trong đó sản lượng khoán 4.066 kg cà phê quả tươi, sản lượng bảo vệ là: 38 kg cà phê quả tươi tương đương giá trị bằng tiền là: 35.240.870 đồng, tiền lãi 3.037.078 đồng. Tổng nợ tạm tính là: 38.277.948 đồng.

+ Nợ sản lượng vụ 2022-2023 là: 2.625kg cà phê quả tươi, tương đương giá trị bằng tiền là: 22.540.761 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường tạm tính là: 113.240.662 đồng.Trong đó: Tiền gốc: 103.687.501 đồng; Tiền lãi: 9.553.161 đồng

Đơn giá cà phê quả tươi được căn cứ theo giá tại thời điểm ngày 31/12 hàng năm.

Sản lượng vụ 2021-2022 thu bằng sản lượng các hộ gia hạn (được giảm 500kg cà phê quả tươi so với vụ 2020-2021 và sản lượng quy từ phân bón).

Sản lượng vụ 2022-2023 thu bằng sản lượng các hộ gia hạn.

Tiền lãi trả chậm tính theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm dài hạn do Ngân hàng N và PTNT chi nhánh tỉnh Đ công bố hàng năm, tiền lãi tính từ ngày 31/12/2020 đến ngày 31/12/2022.

+ Nợ đầu tư cây bơ tính đến hết mùa vụ năm 2019: 1.940.014 đồng.

Tổng số tiền bà Trần Thị C phải trả cho Công ty là: 115.180.676 đồng

- Công ty hoàn trả tiền phân bón mùa vụ 2020-2021 cho Bà C số tiền là: 2.659.643 đồng. Trong đó: Tiền gốc: 2.293.125 đồng; Tiền lãi: 366.518 đồng

Theo đó, đề nghị bà C phải bồi thường cho Công ty tổng số tiền là: 112.521.033 đồng. *(Một trăm mười hai triệu năm trăm hai mươi mốt ngàn không trăm ba mươi ba đồng).*

Tại đơn sửa đổi, bổ sung nội dung khởi kiện ngày 09/7/2023, nguyên đơn Công ty cổ phần C1 sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau:

Buộc bà Trần Thị C bồi thường toàn bộ sản lượng cà phê tương ứng với sản lượng mà các hộ nhận khoán khác phải nộp cho Công ty kể từ ngày 31/12/2020 đến nay. Chi tiết như sau:

- Nợ sản lượng vụ 2020-2021 là 5.346kg cà phê quả tươi. Trong đó sản lượng khoán là 5.250kg cà phê quả tươi, sản lượng bảo vệ là 96kg cà phê quả tươi.

- Nợ sản lượng vụ 2021-2022 là 4.104kg cà phê quả tươi. Trong đó (sản lượng khoán 4.875kg cà phê quả tươi – 809kg cà phê quả tươi là sản lượng quy từ phân bón) = 4.066kg cà phê quả tươi, sản lượng bảo vệ là 38kg cà phê quả tươi.

- Nợ sản lượng vụ 2022-2023 là 2.625kg cà phê quả tươi.

Tổng sản lượng yêu cầu là: 12.075kg cà phê quả tươi.

- Nợ đầu tư cây bơ tính đến hết mùa vụ năm 2019 là 1.940.014 đồng.

- Công ty hoàn trả tiền phân bón mùa vụ 2020-2021 cho bà Trần Thị C số tiền là 2.659.643 đồng.

Đề nghị tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để đảm bảo quá trình thi hành án.

Bị đơn trình bày:

Bà Trần Thị C có ký Hợp đồng kinh tế Công ty TNHH C1 về việc giao khoán vườn cà phê số D SOHD 100/ABGK ngày 08/12/2014lô: A11-03Đơn vị A - Vùng A, diện tích: 0,75 ha. Thời hạn Hợp đồng từ ngày 08/12/2014đến ngày 31/3/2020.

Trước khi hết hạn hợp đồng, bản thân bà Trần Thị C cùng các hộ dân khác đã có rất nhiều đơn kiến nghị, đề nghị gửi đến Công ty cổ phần C1 và các cấp ban ngành có thẩm quyền. Ngày 12/8/2021, bà C cùng gần 200 hộ dân nhận khoán đã có đơn kiến nghị gửi đến Công ty cổ phần C1 để trình bày tâm tư nguyện vọng của mình để Công ty L tiếp tục thực hiện hợp đồng sau khi thanh lý cho phù hợp với thực tế canh tác, đơn kiến nghị là để hai bên cùng trao đổi, lắng nghe trên tinh thần ý chí tự nguyện dân chủ và các bên cùng có lợi, tránh đơn phương áp đặt từ một phía.

Đến ngày 28/9/2021, bà C và các hộ dân nhận khoán nhận được thông báo số: 194/TB-CPPA của Công ty cổ phần C1 về việc trả lời đơn kiến nghị của 181 hộ dân nhận khoán vườn cà phê vùng A, sau khi nhận được thông báo trả lời trên bà C và các hộ nhận khoán đã có đơn kiến nghị trình bày lý do nhưng phía Công ty vẫn phớt lờ.

Trong nhiều đơn mà bà C và các hộ dân đã gửi đến Công ty cổ phần C1, có trình bày tâm tư nguyện vọng cụ thể như sau:

Áp dụng sản lượng nộp khoán, các khoản đầu tư theo hợp đồng đã hết thời hạn, hết hiệu lực là không hợp lý, không phù hợp với thực tế hiện nay.

Nếu hai bên không tổ chức được việc trao đổi bàn bạc thảo luận để thỏa thuận và thống nhất thì:

+ Khoản đầu tư: Bà C và các hộ nhận khoán tự đầu tư 100% không nhận một khoản đầu tư nào từ phía công ty.

+ Về sản lượng: 100% sản lượng Bà C và các hộ nhận khoán tự thu hoạch mang về tự chế biến bảo quản và tiêu thụ.

+ Về bảo vệ: Bà C và các hộ nhận khoán tự dựng lán, chòi tự bảo vệ sản phẩm của mình.

+ Về trách nhiệm và nghĩa vụ:

- Về tưới nước: Bà C và các hộ nhận khoán thanh toán đúng đợt tưới và đủ số tiền khi có thông báo của công ty.

- Về tiền thuê đất: Bà C và các hộ nhận khoán chấp hành và thực hiện nộp đúng và đủ số tiền đất như mức giá quy định hợp đồng thuê đất của tỉnh Đắk Lắk cũng như của nhà nước được quy định khi có thông báo của công ty (nếu có).

Đối với việc Công ty ra quyết định và thông báo:

- Theo Nghị quyết số 06 ngày 26/3/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần C1 về việc phê duyệt chủ trương thanh lý và gia hạn hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê tại vùng A, quyết định này mang tính chất nội bộ không thông qua rộng rãi và không gửi cho các hộ dân nhận khoán để nắm bắt.

- Đối với thông báo số 202/TB-CPPA ngày 27/3/2022 của công ty về thanh lý hợp đồng:

+ Về thanh lý hợp đồng: Công ty thanh toán công chăm sóc vườn cây từ ngày 20/01/2020 đến ngày 31/3/2020 với số tiền 10.200.000đ/ha là không thực hiện đúng nội dung hợp đồng năm 1997, không thanh toán hoàn trả giá trị tài sản trên đất mà chúng tôi được thụ hưởng.

+ Về gia hạn hợp đồng, thời hạn gia hạn là 01 năm tính từ ngày 01/04/2020 đến ngày 31/03/2021 sản lượng nộp cho Công ty cổ phần C1 sản lượng vụ 2019-2020 áp dụng theo hợp đồng hết hiệu lực tương ứng với sản lượng mà các hộ dân nhận khoán đã ký hợp đồng gia hạn với công ty. Công ty chỉ cho các hộ dân chọn một trong hai phương án mà Công ty đưa ra, bà C và các hộ nhận khoán không được bàn bạc đóng góp ý kiến, trong khi bà C và các hộ nhận khoán có rất nhiều đơn kiến nghị gửi Công ty cũng như các cơ quan ban ngành nhưng Công ty không tiếp thu ghi nhận ý kiến.

Trên cơ sở trên bà Trần Thị C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C1 đưa ra và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Về quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với khoản tiền được nhận tại Chi cục THADS huyện K đề nghị Toà án huỷ bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nói trên, vì Công ty khởi kiện không có cơ sở và không liên quan đến vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T1:

Ông Nguyễn Thanh T1 là chồng của bà Trần Thị C, là người cùng canh tác, sản xuất trên diện tích 0,75 ha mã lô: A11-03 - Đơn vị A - Vùng A theo Hợp đồng số: 100/AB/HĐGK ngày 08/12/2014 với Công ty TNHH C1.

Ông T1 đồng ý với ý kiến trình bày của bà Trần Thị C và ông K Niê Siêng trong qua trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa. Ông T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần C1 đưa ra và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 35/2023/DSST ngày 04/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 243, Điều 244, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dung: Điều 224, Điều 580, Điều 581 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng: Khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C1 (Công ty TNHH MTV C1).

1.1. Buộc bà Trần Thị C có nghĩa vụ phải trả cho Công ty Cổ phần C1 sản lượng vụ 2020-2021 là 5.250kg cà phê quả tươi; sản lượng vụ 2021-2022 là 4.066kg cà phê quả tươi; sản lượng vụ 2022-2023 là 2.625kg cà phê quả tươi. Tổng số lượng cà phê quả tươi bà Trần Thị C phải hoàn trả cho Công ty cổ phần C1 là 11.941kg.

Buộc bà Trần Thị C có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần C1 tiền đầu tư cây Bơ tính đến hết mùa vụ năm 2019 là 1.940.643 đồng.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty về việc bà Trần Thị C phải trả sản lượng bảo vệ là 96kg cà phê quả tươi mùa vụ vụ 2020-2021 và 38kg cà phê quả tươi mùa vụ 2021-2022.

Công ty hoàn trả chi phí phân bón vụ mùa 2020-2021 cho bà Trần Thị C với số tiền là: 1.940.014 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời: Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk; *"Phong tỏa một phần số tiền Công ty cổ phần C1 đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk để thi hành theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 253/QĐ-CCTHADS ngày 12/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk với số tiền là 112.521.033 đồng, để đảm bảo cho việc thi hành án"*.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/8/2023, bị đơn bà Trần Thị C kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật đồng thời xem xét lại việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị C, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 35/2023/DSST ngày 04/8/2023 của Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị C, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Ngày 08/12/2014 Công ty TNHH MTV C1 và bà Trần Thị C có ký kết hợp đồng giao khoán vườn cây cà phê, cây bơ với diện tích 0,75ha số: 100/AB/HĐGK, mã lô: A11-03 - Đơn vị A - Vùng A, diện tích: 0,75 ha, thời hạn Hợp đồng từ ngày 08/12/2014 đến ngày 31/3/2020 (bút lục 06 đến bút lục 13). Sau khi hết hạn hợp đồng giao khoán hai bên không thống nhất về phương thức thanh lý hợp đồng dẫn đến tranh chấp và đã được giải quyết bằng Bản án có hiệu lực pháp luật, cụ thể:

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 161/2022/DSPT ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên xử:

"Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C1 (tiền thân là Công ty TNHH MTV C1)

Chấm dứt Hợp đồng kinh tế về việc giao khoán vườn cây cà phê số 100/AB/HĐGK ký ngày 08/12/2014 giữa Công ty TNHH MTV C1 (nay là Công ty cổ phần C1) với bị đơn bà Trần Thị C.

Buộc bà Trần Thị C phải hoàn trả lại toàn bộ quyền sử dụng đất đã nhận khoán diện tích 0,75ha thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 22 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 279613 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 03/4/2018. Đất có tứ cạnh: Phía Đông giáp đường lô, phía Tây giáp đường lô, phía Nam giáp lô bà T2, phía Bắc giáp lô ông H1 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất gồm 871 cây cà phê trồng năm 1995; 12 cây bơ Booth trồng năm 2014, 1.83m^3 gỗ muồng trồng năm 1995, 02 cây gỗ muồng (chưa gỗ) trồng năm 2017, 70 cây sầu riêng ghép trồng năm 2017, 16 cây sầu riêng ghép trồng năm 2019, 10 cây cà phê chè trồng năm 2015, 01 cây vú sữa trồng năm 2019

Về giải quyết hậu quả của việc thanh lý hợp đồng tại Hợp đồng kinh tế về việc giao khoán vườn cây cà phê số 100/AB/HĐGK ký ngày 08/12/2014. Buộc Công ty cổ phần C1 phải hoàn trả cho bà Trần Thị C tổng số tiền 453.163.850 đồng (trong đó có 50% cây cà phê 127.753.650 đồng; 50% gỗ muồng 3.274.200 đồng 80% cây bơ bờ lô 43.384.800 đồng (không chấp nhận 03 cây bơ thường trồng năm 2021); cây sầu riêng phát sinh 276.800.000 đồng (không chấp nhận 04 cây sầu riêng ghép trồng năm 2021); cây cà phê chè dọc bờ lô 1.790.000 đồng; cây vú sữa trồng phát sinh 179.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị C buộc Công ty cổ phần C1 phải hoàn trả lại 2% quỹ dự phòng rủi ro và 1% quỹ chính sách xã hội thu ngoài sản lượng trong thời gian 13 năm từ năm 2004 đến năm 2017"

Như vậy, tranh chấp giữa Công ty cổ phần C1 với bà Trần Thị C đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật, Hợp đồng kinh tế về việc giao khoán vườn cây cà phê số 100/AB/HĐGK ký ngày 08/12/2014 giữa Công ty TNHH MTV C1 (nay là Công ty cổ phần C1) với bị đơn bà Trần Thị C đã chấm dứt và các bên có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành bản án phúc thẩm số 161/2022/DSPT ngày 06/9/2022 Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự thấy rằng:

Ngày 12/01/2023 Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk ban hành quyết định thi hành án theo yêu cầu số 253/QĐ-CCTHADS để thi hành đối với bản án số 161/2022/DSPT ngày 06/9/2022 Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tại Biên bản về việc thỏa thuận thi hành án ngày 06/02/2023, Công ty cổ phần C1 và các hộ dân (trong đó có bà Trần Thị C) đã có thỏa thuận: Đồng ý để Công ty cổ phần C1 nộp trước số tiền 2.500.000.000 đồng và chia tỉ lệ cho các đơn yêu cầu thi hành án vào ngày 07/02/2023. Số tiền còn lại sau khi Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk ấn định ngày bàn giao tài sản của các hộ dân cho Công ty và trước 01 ngày bàn giao tài sản của hộ dân nào thì Công ty sẽ chuyển đủ số tiền phải thi hành án cho hộ dân đó bằng cách chuyển vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk.

Ngày 09/02/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk đã ban hành Thông báo số 246/TB-CCTHADS ngày 09/02/2023 về việc giao tài sản (trong đó có tài sản của bà Trần Thị C) cho người được thi hành án và ấn định thời gian bắt đầu lúc 09 giờ 00 phút ngày 15/02/2023.

Ngày 15/02/2023 Công ty cổ phần C1 đã nộp số tiền còn lại theo thỏa thuận vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk để trả cho các hộ dân, chi tỷ lệ thì Công ty đã nộp đủ số tiền 453.163.850 đồng để hoàn trả cho bà Trần Thị C theo quyết định thi hành án theo yêu cầu số 253/QĐ-CCTHADS 12/01/2023.

Như vậy, bản án dân sự phúc thẩm số 161/2022/DSPT ngày 06/9/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đang trong giai đoạn thi hành án theo thỏa thuận của Công ty và các hộ dân (trong đó có bà Trần Thị C) nhưng đến ngày

03/02/2023 Công ty cổ phần C1 tiếp tục có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Trần Thị C phải bồi thường thiệt hại cho Công ty do bà C đã có hành vi tự ý chiếm giữ đất và vườn cây, khai thác hưởng toàn bộ hoa lợi, lợi tức từ vườn cây trên diện tích đất 0,75ha, mã lô A11-03 đơn vị A, vùng A (theo Hợp đồng giao khoán số100/AB/HĐGK ngày 08/12/2014) kể từ ngày 31/12/2020 đến ngày 10/01/2023 (tạm tính) với tổng số tiền 112.521.033 đồng là không đúng.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Hợp đồng giao khoán số 100/AB/HĐGK ngày 08/12/2014 trong khi hợp đồng này đã bị chấm dứt và căn cứ vào lời khai của Công ty về mức đóng sản lượng của các hộ nhận khoán khác đã được gia hạn hợp đồng, Nghị quyết của Công ty để từ đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần C1, buộc bà Trần Thị C phải thanh toán sản lượng cà phê các vụ mùa từ năm 2020 đến năm 2023 với tổng sản lượng 11.941kg cà phê quả tươi; đồng thời buộc bà Trần Thị C phải có nghĩa vụ trả cho Công ty tiền đầu tư cây Bơ tính đến hết mùa vụ 2019 với số tiền 1.940.643 đồng là chưa xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, chưa đánh giá đúng bản chất cũng như mối quan hệ nhân quả của sự kiện pháp lý trong vụ án. Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa chính xác, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà Trần Thị C.

Từ những nhận định như trên, HĐXX phúc thẩm xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị C, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Trần Thị C phải trả cho Công ty cổ phần C1 sản lượng vụ 2020 - 2021 là 5.346kg cà phê quả tươi; sản lượng vụ 2021 - 2022 là 4.104kg cà phê quả tươi; sản lượng vụ 2022 - 2023 là 2.625kg cà phê quả tươi. Tổng cộng là 12.075kg cà phê quả tươi và 1.940.014 đồng tiền đầu tư cây bơ tính đến hết mùa vụ năm 2019.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị C về việc đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk thấy rằng: Tại đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 13/02/2023 của Công ty cổ phần C1, phía Công ty đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nhằm đảm bảo việc thi hành án đối với yêu cầu khởi kiện bồi thường thiệt hại của nguyên đơn đang được Tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 10 Điều 114 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ của việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời không còn. Vì vậy, HĐXX căn cứ điểm e khoản 1 Điều 138 hủy bỏ toàn bộ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2023/QĐ-BPKCTT ngày

17/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk và hủy bỏ việc phong tỏa tài khoản đối với số tiền 33.000.000 đồng tại Giấy thông báo số 02-17022023/KTNQ-PTTK ngày 17/02/2023 của Ngân hàng N1 theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2023/QĐ-BPBD ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị C, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C1; hủy bỏ toàn bộ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17/02/2023 và biện pháp phong tỏa tài khoản của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk là phù hợp.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do không được chấp nhận đơn khởi kiện nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể [Giá cà phê quả tươi trên địa bàn huyện K ngày 04/8/2023 là (14.166đ/kg x 12.075kg cà phê quả tươi) + 1.940.643đ] x 5% = 8.650.000đ.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn bà Trần Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308; điểm e khoản 1 Điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị C.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2023/DSST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Điều luật áp dụng và quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 224, Điều 580, Điều 581 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần C1 về việc buộc bà Trần Thị C phải trả cho Công ty cổ phần C1 sản

lượng 12.075kg cà phê quả tươi và tiền đầu tư cây bơ tính đến hết mùa vụ năm 2019 là 1.940.014 đồng.

Hủy bỏ toàn bộ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2023/QĐ-BPKCTT ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

Hủy bỏ việc phong tỏa tài khoản đối với số tiền 33.000.000 đồng tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh huyện K (Giấy thông báo số 02-17022023/KTNQ-PTTK ngày 17/02/2023) theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 06/2023/QĐ-BPBĐ ngày 15/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty cổ phần C1 phải chịu 8.650.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 2.813.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0000260 ngày 03/02/2023 do Công ty cổ phần C1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk. Công ty cổ phần C1 phải tiếp tục nộp 5.837.000đ.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0004106 ngày 18/8/2023 do bà Trần Thị C nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TANDCC;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THADS H. K;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang